TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Lê Kim Lịnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hoàng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2019/QĐST-HPT ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Như Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 117, ấp AL, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT. (Có mặt).

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 381, ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Y là nguyên đơn trình bày:

Chị Y và anh T có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách nay khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, anh T không lo làm ăn và xa nhau đến nay. Về nuôi con chung: Quá trình sống

chung, có 02 con chung tên Trần Phúc T, sinh năm 2013 và Trần Ngọc Nhã D, sinh năm 2017, hiện đang sống với chị Y. Nay chị Y xin ly hôn. Con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ không yêu cầu giải quyết.

- Anh T không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Y.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Con chung để chị Yến tiếp tục nuôi, không xem xét cấp dưỡng. Tài sản, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Y và anh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khi có mâu thuẫn chị Y và anh Tsống riêng, tự lo cho bản thân. Nay chị Y xin ly hôn, anh T không có động thái gì để hàn gắn. Khi Tòa án mời hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng gặp nhau, hòa giải tháo gỡ những vướng mắc để vợ chồng đoàn tụ xây dựng lại cuộc sống gia đình, lo cho con chung nhưng anh T đều không đến, điều đó chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến hôn nhân này.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có căn cứ. Đề nghị của Kiểm sát viên cho ly hôn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình sống chung, có 02 con chung tên Trần Phúc T, sinh năm 2013 và Trần Ngọc Nhã D, sinh năm 2017, hiện đang sống với chị Y.

Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, hai con sống chung với chị Y từ khi vợ chồng xa nhau đến nay, các con vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, chứng minh chị Y đủ điều kiện lo cho con.

Do đó, giao con cho chị Y tiếp tục nuôi là phù hợp.

Do chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Y và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Y xin ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Như Y. Cho chị Lê Thị Như Y ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Phúc T, sinh năm 2013 và Trần Ngọc Nhã D, sinh năm 2017, hiện đang sống với chị Y cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Yến không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Y và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Như Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0002886 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã ĐA,
huyện LV, tỉnh ĐT,
(giấy CNKH số 193 ngày 26/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên